VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1306/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục Bí mật nhà nước của Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

1. Phương án về nội dung cần trưng cầu ý dân có ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai.

2. Văn bản chỉ đạo của Hội đồng bầu cử quốc gia về những vấn đề phức tạp trong công tác bầu cử có ảnh hưởng đến chính trị, an ninh, quốc phòng và đối ngoại chưa công khai.

3. Tờ trình, báo cáo, công văn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Công tác đại biểu phục vụ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét: Đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Quốc hội; quyết định tạm đình chỉ

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội trong trường hợp đại biểu Quốc hội bị khởi tố bị can; quyết định trường hợp đại biểu Quốc hội bị tạm giữ vì phạm tội quả tang.

4. Tờ trình, báo cáo, đề án, công văn xin ý kiến, kiến nghị của Ủy ban Đối ngoại với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề thuộc chính sách đối ngoại giữa Quốc hội Việt Nam với Quốc hội các nước láng giềng, các đối tác lớn, các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực, các tổ chức quốc tế có nội dung ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5. Báo cáo thẩm tra, văn bản đề xuất, kiến nghị của Ủy ban Pháp luật và Ban Công tác đại biểu trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân chưa công khai.

Điều 2. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:

1. Thông tin, tài liệu về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội:

a) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Đảng đoàn Quốc hội xem xét, quyết định về số lượng, cơ cấu và phương hướng chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương chưa công khai;

b) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Hội đồng Bầu cử quốc gia xem xét, quyết định về nguyên tắc phân bổ ứng cử viên ở Trung ương về địa phương ứng cử đại biểu Quốc hội chưa công khai;

c) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét về dự kiến phân bổ cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội chưa công khai;

d) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội chưa công khai;

đ) Hướng dẫn, báo cáo, công văn về những vấn đề phức tạp trong công tác bầu cử có ảnh hưởng đến chính trị, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trong công tác bầu cử;

e) Văn bản đề nghị cơ quan chức năng xác minh đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội; báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo về nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội, nhân sự trúng cử đại biểu Quốc hội chưa công khai.

2. Thông tin tài liệu phục vụ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

a) Tờ trình, báo cáo thẩm tra, báo cáo tổng hợp, báo cáo tập hợp, báo cáo giải trình tiếp thu phục vụ Quốc hội xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của Quốc hội chưa công khai;

b) Tờ trình, báo cáo phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến, quyết định về công tác nhân sự, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa công khai;

c) Văn bản nhận xét, đánh giá cán bộ; công văn xin ý kiến cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, kỷ luật cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng Đoàn Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Thông tin tài liệu có nội dung về đại biểu Quốc hội:

a) Tờ trình, báo cáo, công văn phục vụ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định về việc bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, sa thải, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội chưa công khai;

b) Văn bản đề xuất hướng xử lý đơn thư tố cáo đại biểu Quốc hội liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội; cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Báo cáo kết quả giám sát, báo cáo kết quả khảo sát về các vấn đề có ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, chính sách phát triển kinh tế - xã hội lớn của đất nước chưa công khai.

5. Tờ trình, báo cáo, công văn của các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội triển khai hoạt động đối

ngoại có nội dung ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, quan hệ của ta với các đối tác; chương trình, báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại hàng năm; báo cáo kết quả hoạt động song phương, đa phương của Quốc hội Việt Nam với Quốc hội các nước, các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực có nội dung ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, quan hệ của ta với các đối tác chưa công khai.

6. Tờ trình, kế hoạch, chương trình làm việc, đề án chính trị, đề án lễ tân, báo cáo của Ủy ban Đối ngoại, Văn phòng Quốc hội liên quan đến các chuyến công tác trong và ngoài nước của Chủ tịch Quốc hội, các Phó chủ tịch Quốc hội.

7. Báo cáo phục vụ cuộc họp của Đảng đoàn Quốc hội và Ban cán sự Đảng Chính phủ về lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị tổ chức và điều hành kỳ họp Quốc hội.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc